

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Chức vụ: Người được UQCBTT

Loại thông tin công bố: 24 giờ

theo yêu cầu

định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính bán niên công ty mẹ ACC và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2019 đã soát xét.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/8/2019 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY
DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
Số: 09/CV/QLTC-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

V/v: “ Giải trình biến động lợi nhuận sau
thuế 6 tháng đầu năm 2019 của năm tài
chính kết thúc ngày 31/12/2019”

**Kính gửi: UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

- Tên cơ sở kinh doanh: **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC.**
- Địa chỉ: **Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P.Mỹ Phước, TX.Bến Cát, T.Bình Dương.**
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: **3700926112, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 10/05/2019.**
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
 - ✓ **Xây dựng công trình công ích chi tiết:** Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
 - ✓ **Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao chi tiết:** Sản xuất công bê tông cốt thép các loại; Sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; Sản xuất bê tông xi măng các loại; Sản xuất cầu kiện đúc sẵn; Sản xuất gạch không nung.
 - ✓ **Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết:** mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại; Cầu kiện đúc sẵn; Các loại vật liệu xây dựng; Các cầu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí.
 - ✓ **Xây dựng nhà các loại chi tiết:** Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
 - ✓ **Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ chi tiết:** Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
 - ✓ **Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí chi tiết:** Thi công đặt hệ thống cấp, thoát nước, và điều hoà không khí; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
 - ✓ **Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết:** cho thuê xe máy, thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện.



- ✓ **Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại chi tiết:** Gia công cơ khí (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại).
- ✓ **Sản xuất các cấu kiện kim loại chi tiết:** Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- ✓ **Chuẩn bị mặt bằng chi tiết:** San lấp mặt bằng;
- ✓ **Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết:** Xây dựng nền móng; Đóng cọc, ép cọc;
- ✓ **Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu lắp;**
- ✓ **Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá chi tiết:** Cắt và hoàn thiện đá xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết; mua bán hoá chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hoá chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- ✓ **Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết:** Mua bán mặt hàng trang trí nội thất

- Mã số thuế: 3700926112.

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC, ngày 6 tháng 10 năm 2015, hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019, Công ty cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Bình Dương Acc xin giải trình việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018 như sau:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 là do: Lợi nhuận sau thuế của Công ty con tăng so với cùng kỳ năm trước làm cho lợi nhuận trong tập đoàn 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 .

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018.

Trân trọng!

Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2019

Công Ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Bình Dương ACC



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH
DƯƠNG ACC**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 10/05/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 06 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất công bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cấu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo;
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cấu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe máy, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cấu kiện đúc sẵn, dịch vụ cầu lắp;
- Cắt và hoàn thiện đá xây dựng;
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đất, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Trồng cây đô thị;
- Phá dỡ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 03/04/2019
Ông Quảng Văn Viết Cường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/03/2019 Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/03/2019
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Đặng Thành Kiên	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Khưu Trí Trung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Huỳnh Tấn An	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

Ban kiểm soát

Ông Trương Văn Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 03/04/2019
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Hoàng Văn Anh	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Phan Thị Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Châu Thị Vân	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/06/2015
Bà Phạm Thị Sương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/08/2014
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/08/2014
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/05/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2019 đến 09/05/2019 là ông Nguyễn Hồng Tuyên - Tổng Giám đốc và từ ngày 10/05/2019 đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch HĐQT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Tuyên

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 26 tháng 08 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 042/2019/BCSX-PB.00313

PKF
Accountants &
business advisers

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 08 năm 2019, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lê Việt Cường

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2019	01/01/2019
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.867.077.469	207.945.757.360
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	37.146.279.865	9.341.908.115
1. Tiền	111		27.146.279.865	9.341.908.115
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.923.102.532	53.716.427.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	83.464.327.437	54.202.451.827
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.700.503	71.005.121
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	7.016.104.018	42.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(599.029.426)	(599.029.426)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	97.628.783.129	141.498.673.472
1. Hàng tồn kho	141		97.628.783.129	141.498.673.472
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		2.168.911.943	3.388.748.251
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	2.168.911.943	1.921.512.766
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.467.235.485
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.914.280.214	110.471.021.318
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		21.601.543.713	23.715.030.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.414.678.958	14.415.359.911
- Nguyên giá	222		111.636.645.788	112.519.977.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.221.966.830)	(98.104.617.927)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	9.186.864.755	9.299.670.842
- Nguyên giá	228		13.443.567.330	13.340.427.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.256.702.575)	(4.040.756.488)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	85.318.998.996	85.318.998.996
1. Đầu tư vào công ty con	251		60.800.851.200	60.800.851.200
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.547.500.000	26.547.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.029.352.204)	(2.029.352.204)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		993.737.505	1.436.991.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	993.737.505	1.436.991.569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		334.781.357.683	318.416.778.678

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2019	01/01/2019
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		144.335.700.455	124.857.756.815
I/ Nợ ngắn hạn	310		134.833.054.736	117.352.145.828
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	68.672.918.071	97.638.716.788
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	515.539.188	1.354.223.967
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.207.934.528	400.969.809
4. Phải trả người lao động	314		2.409.326.515	2.296.470.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.742.191.919	565.198.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	19.382.005.936	1.590.444.114
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	39.283.057.445	10.240.648.222
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.620.081.134	1.296.502.759
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	1.968.972.032
II/ Nợ dài hạn	330		9.502.645.719	7.505.610.987
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342		9.502.645.719	7.505.610.987
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.445.657.228	193.559.021.863
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.16	190.445.657.228	193.559.021.863
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.527.143.181	1.527.143.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.123.821.471	56.123.821.471
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.739.180.626	26.852.545.261
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.713.371.879	3.193.070.398
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.025.808.747	23.659.474.863
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		334.781.357.683	318.416.778.678



Nguyễn Hồng Tuyên
 Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thị Thúy Vân
 Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	175.502.884.609	143.244.010.288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	8.851.500	1.496.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		175.494.033.109	143.242.513.688
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	147.144.955.343	117.198.688.587
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.349.077.766	26.043.825.101
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6.729.951.811	6.731.222.953
7. Chi phí tài chính	22	6.5	610.398.548	(123.942.243)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		610.398.548	765.419.181
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	6.160.060.188	5.325.083.077
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	8.194.486.812	7.079.868.137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.114.084.029	20.494.039.083
11. Thu nhập khác	31	6.8	303.115.677	26.380
12. Chi phí khác	32		272.136	9.773.634
13. Lợi nhuận khác	40		302.843.541	(9.747.254)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.416.927.570	20.484.291.829
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.739.505.514	2.752.978.365
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.677.422.056	17.731.313.464

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chỉ tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.416.927.570	20.484.291.829
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.184.238.171	2.883.986.818
- Các khoản dự phòng	03	2.320.613.107	54.113.912
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.032.916.477)	(6.719.400.000)
- Chi phí lãi vay	06	610.398.548	765.419.181
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.499.260.919	17.468.411.740
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.983.324.667)	25.578.294.310
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	43.869.890.343	(25.495.597.324)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(28.385.372.082)	46.004.058.961
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	195.854.887	(200.190.508)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(610.398.548)	(765.419.181)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(2.309.330.090)	(2.773.429.229)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.796.473.581)	(2.737.980.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.519.892.819)	57.078.147.807
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(51.570.000)	(66.350.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	335.353.535	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.551.811	6.719.400.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	294.335.346	6.653.050.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	43.796.862.255	13.786.065.386
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.754.453.032)	(25.326.182.155)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.480.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	29.029.929.223	(11.540.116.769)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	27.804.371.750	52.191.081.038
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.341.908.115	5.483.894.229
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>37.146.279.865</u>	<u>57.674.975.267</u>



Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 10/05/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 06 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

1.6 Cấu trúc công ty

Công ty con Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3700927878	60.000.000.000	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3701799724	22.500.000.000	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cất tạo dáng và hoàn thiện đá
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	3700696042	200.000.000.000	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, đường TC 3, tổ 6, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương	Bệnh viện, trạm xá
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	3700509408	7.800.000.000	Số 225, đường 30 Tháng 4, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Công trình kỹ thuật dân dụng

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền thuê đất

Quyền thuê đất là tiền Công ty trả một lần cho nhiều năm để ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền thuê đất này được khấu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất còn lại (42 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

Chi phí thiết kế sản phẩm

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 – 08 năm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác bao gồm: Chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công hộp...được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên tổng giá trị công trình thi công có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được khi nhận vào thu nhập khác.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng hóa bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay;
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	76.065.321	26.307.434
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.070.214.544	9.315.600.681
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương	18.216.013.212	6.140.833.349
Các Ngân hàng khác	8.854.201.332	3.174.767.332
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
Cộng	37.146.279.865	9.341.908.115

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	-	-	22.440.000	-
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-	22.440.000	-
Các bên khác	83.464.327.437	(599.029.426)	54.180.011.827	(599.029.426)
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	45.481.810.756	-	25.218.592.145	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	23.729.805.283	-	16.653.882.634	-
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	7.349.087.842	-	6.582.256.464	-
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Phát Triển Bình Dương	2.255.821.900	-	1.269.143.700	-
Các đối tượng khác	4.647.801.656	(599.029.426)	4.456.136.884	(599.029.426)
Cộng	83.464.327.437	(599.029.426)	54.202.451.827	(599.029.426)

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	6.719.400.000	-	-	-
Phải thu tiền cổ tức(*)	6.719.400.000	-	-	-
Các bên khác	296.704.018	-	42.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	42.000.000	-	42.000.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	217.439.161	-	-	-
Phải thu khác	37.264.857	-	-	-
Cộng	7.016.104.018	-	42.000.000	-

(*) Cổ tức được nhận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019 của Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.4 Nợ xấu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	112.198.446	(112.198.446)	160.283.494	(112.198.446)
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	189.298.335	(189.298.335)	189.298.335	(189.298.335)
Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ-Xây dựng Lộc Hoàng Gia	95.089.291	(95.089.291)	95.089.291	(95.089.291)
Công ty TNHH TV XD SX TM DV Nhật Minh Quang	9.885.840	(9.885.840)	9.885.840	(9.885.840)
Công ty TNHH XD-TM-DV XNK Tân Hưng Phát	173.194.526	(173.194.526)	173.194.526	(173.194.526)
DNTN Đại Tuấn Thành	19.362.988	(19.362.988)	19.362.988	(19.362.988)
Cộng	599.029.426	(599.029.426)	647.114.474	(599.029.426)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Số dư đầu kỳ	599.029.426	669.029.426
Hoàn nhập trong kỳ	-	(70.000.000)
Số dư cuối kỳ	599.029.426	599.029.426

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.451.298.333	-	13.236.059.844	-
Công cụ, dụng cụ	45.866.014	-	56.047.139	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	76.951.495.636	-	118.096.537.455	-
Thành phẩm	9.149.099.967	-	10.077.269.364	-
Hàng hoá	31.023.179	-	32.759.670	-
Cộng	97.628.783.129	-	141.498.673.472	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.6 Chi phí trả trước**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.198.338.834	919.898.074
Chi phí vận chuyển đá	124.261.038	342.431.511
Các khoản khác	846.312.071	659.183.181
Cộng	2.168.911.943	1.921.512.766

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	518.962.961	793.372.777
Chi phí bản quyền phần mềm	56.675.875	76.679.125
Chi phí sửa chữa	409.416.669	553.916.667
Các khoản khác	8.682.000	13.023.000
Cộng	993.737.505	1.436.991.569

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền thuê đất VND	Chương trình phần mềm VND	Chi phí thiết kế sản phẩm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2019	11.769.135.713	619.359.800	951.931.817	13.340.427.330
Mua trong kỳ	-	-	103.140.000	103.140.000
Số dư tại 30/06/2019	11.769.135.713	619.359.800	1.055.071.817	13.443.567.330
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại 01/01/2019	2.758.808.169	579.672.527	702.275.792	4.040.756.488
Khấu hao trong kỳ	123.429.144	39.687.273	52.829.670	215.946.087
Số dư tại 30/06/2019	2.882.237.313	619.359.800	755.105.462	4.256.702.575
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2019	9.010.327.544	39.687.273	249.656.025	9.299.670.842
Số dư tại 30/06/2019	8.886.898.400	-	299.966.355	9.186.864.755

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2019 là 0 VND, tại 01/01/2019 là 0 VND;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2019 là 1.162.200.708 VND, tại 01/01/2019 là 643.450.908 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.8	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	11.629.778.901	62.895.487.862	35.940.663.686	1.710.281.208 (883.332.050)	343.766.181	112.519.977.838 (883.332.050)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	11.629.778.901	62.895.487.862	35.940.663.686	826.949.158	343.766.181	111.636.645.788
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2019	10.072.488.349	57.912.906.993	28.245.557.738	1.580.043.479	293.621.368	98.104.617.927
Khấu hao trong kỳ	314.426.716	584.532.388	1.018.030.617	42.892.139	8.410.224	1.968.292.084
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(850.943.181)	-	(850.943.181)
Số dư tại 30/06/2019	10.386.915.065	58.497.439.381	29.263.588.355	771.992.437	302.031.592	99.221.966.830
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2019	1.557.290.552	4.982.580.869	7.695.105.948	130.237.729	50.144.813	14.415.359.911
Số dư tại 30/06/2019	1.242.863.836	4.398.048.481	6.677.075.331	54.956.721	41.734.589	12.414.678.958

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2019 là 4.680.059.441 VND, tại 01/01/2019 là 5.385.635.229 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2019 là 83.463.674.668 VND, tại 01/01/2019 là 79.795.451.161 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý (i) VND
Đầu tư vào công ty con	60.800.851.200	(1.832.240.201)		60.800.851.200	(1.832.240.201)	
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	47.134.351.200	-	49.723.560.000	47.134.351.200	-	53.755.200.000
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	13.666.500.000	(1.832.240.201)	(i)	13.666.500.000	(1.832.240.201)	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác	26.547.500.000	(197.112.003)		26.547.500.000	(197.112.003)	
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	24.900.000.000	-	(i)	24.900.000.000	-	(i)
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	(197.112.003)	(i)	1.647.500.000	(197.112.003)	(i)
Cộng	87.348.351.200	(2.029.352.204)	49.723.560.000	87.348.351.200	(2.029.352.204)	53.755.200.000

Tình hình hoạt động của công ty con

Xem thuyết minh số 1.6

Giá trị hợp lý

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con

Xem thuyết minh số 7.2.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:

	30/06/2019			01/01/2019		
	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư vào công ty con						
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	4.479.600	74,66%	74,66%	4.479.600	74,66%	74,66%
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	1.350.000	60,00%	60,00%	1.350.000	60,00%	60,00%

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/06/2019			01/01/2019		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	2.490.000	12,45%	12,45%	2.490.000	12,45%	12,45%
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	85.670	10,98%	10,98%	85.670	10,98%	10,98%

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan	9.813.827.740	9.813.827.740	8.569.961.418	8.569.961.418
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	9.813.827.740	9.813.827.740	8.526.436.068	8.526.436.068
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-	43.525.350	43.525.350
Các bên khác	58.859.090.331	58.859.090.331	89.068.755.370	89.068.755.370
Hợp tác xã Anh Hào	4.701.743.345	4.701.743.345	5.889.008.001	5.889.008.001
Công ty TNHH TM DV Vận tải Mai Thành	4.388.415.703	4.388.415.703	5.676.468.903	5.676.468.903
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	4.550.561.400	4.550.561.400	7.861.788.700	7.861.788.700
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Thượng Phương	6.276.874.036	6.276.874.036	4.236.637.414	4.236.637.414
Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	1.905.023.697	1.905.023.697	2.703.735.536	2.703.735.536
Phải trả cho các đối tượng khác	37.036.472.150	37.036.472.150	62.701.116.816	62.701.116.816
Cộng	68.672.918.071	68.672.918.071	97.638.716.788	97.638.716.788

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	515.539.188	515.539.188	1.354.223.967	1.354.223.967
Công ty CP Đầu tư Hưng Phước	129.047.000	129.047.000	195.514.650	195.514.650
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Văn Phát Đại	119.621.638	119.621.638	10.740.738	10.740.738
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Ngọc Điền	78.119.366	78.119.366	500.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	188.751.184	188.751.184	647.968.579	647.968.579
Cộng	515.539.188	515.539.188	1.354.223.967	1.354.223.967

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	19.382.005.936	19.382.005.936	1.590.444.114	1.590.444.114
Kinh phí công đoàn	317.220.283	317.220.283	396.505.759	396.505.759
Phải trả khác	19.064.785.653	19.064.785.653	1.193.938.355	1.193.938.355
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	420.099.649	420.099.649	482.365.293	482.365.293
Phải trả về cổ tức (*)	18.029.203.000	18.029.203.000	41.683.000	41.683.000
Thù lao HĐQT	250.746.394	250.746.394	-	-
Các khoản khác	364.736.610	364.736.610	669.890.062	669.890.062
Cộng	19.382.005.936	19.382.005.936	1.590.444.114	1.590.444.114

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2019 chia cổ tức 18%/vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí dịch vụ	129.495.096	136.500.000
Chi phí lương bổ sung	994.700.370	-
Chi phí quà tặng tri ân khách hàng trích trước	150.000.000	117.000.000
Các khoản khác	467.996.453	311.698.000
Cộng	1.742.191.919	565.198.000

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	350.140.861	7.051.650.700	7.401.791.561	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	823.688.266	2.309.330.090	2.739.505.514	393.512.842
Thuế thu nhập cá nhân	34.105.401	123.026.591	149.675.025	7.456.967
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.207.934.528	9.487.007.381	10.293.972.100	400.969.809

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Bình Dương (*)	15.900.147.952	15.900.147.952	15.900.147.952	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (**)	23.382.909.493	23.382.909.493	27.896.714.303	14.754.453.032	10.240.648.222	10.240.648.222
Cộng	39.283.057.445	39.283.057.445	43.796.862.255	14.754.453.032	10.240.648.222	10.240.648.222

(*) Hợp đồng vay theo hạn mức số 003A19/HM-QLN ngày 30/01/2019 kèm theo phụ lục sửa đổi, bổ sung số 01/003A19/HM-QLN ngày 12/06/2019:

- Hạn mức vay: 20.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- Mục đích: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng;
- Thời gian trả lãi: ngày 26 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm:
 - Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp 214TC16 ngày 30/06/2016.
 - Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp 215TC16 ngày 30/06/2016.

(**) Hợp đồng vay theo hạn mức số 300268746/2019-HĐCVHM/NHCT680-ACC ngày 17/05/2019 và hợp đồng hạn mức số 300268746/2019-HĐCVHM/NHCT680-BECAMEX ACC ngày 25/03/2019;

- Hạn mức vay: 25.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: từ ngày 17/05/2019 đến hết ngày 19/03/2020;
- Mục đích sử dụng: các khoản nợ được bên vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: ngày 26 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm: theo hợp đồng 01/2017-HĐTC/ACC-MMTB ký ngày 23/02/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.16 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	100.000.000.000		1.527.143.181		9.055.511.950		56.123.821.471		21.193.070.398		187.899.547.000	
Lãi trong kỳ trước	-		-		-		-		27.834.676.309		27.834.676.309	
Trích lập quỹ	-		-		-		-		(4.175.201.446)		(4.175.201.446)	
Chia cổ tức	-		-		-		-		(18.000.000.000)		(18.000.000.000)	
Số dư tại 31/12/2018	100.000.000.000		1.527.143.181		9.055.511.950		56.123.821.471		26.852.545.261		193.559.021.863	
Số dư tại 01/01/2019	100.000.000.000		1.527.143.181		9.055.511.950		56.123.821.471		26.852.545.261		193.559.021.863	
Lãi trong kỳ này	-		-		-		-		17.677.422.056		17.677.422.056	
Trích lập quỹ kỳ này (*)	-		-		-		-		(2.651.613.309)		(2.651.613.309)	
Trích lập quỹ kỳ trước	-		-		-		-		(139.173.382)		(139.173.382)	
Chia cổ tức năm trước	-		-		-		-		(18.000.000.000)		(18.000.000.000)	
Số dư tại 30/06/2019	100.000.000.000		1.527.143.181		9.055.511.950		56.123.821.471		23.739.180.626		190.445.657.228	

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 18/04/2019 như sau:

	Phân phối lợi nhuận	
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.715.201.446	3.443.022.780
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	139.173.382	114.767.426
Chia cổ tức	18.000.000.000	18.000.000.000
Tổng	22.854.374.828	21.557.790.206

(*) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 02/04/2019 với tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	-	-	0,00%	7.336.704	73.367.040.000	73,37%
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	2.490.000	24.900.000.000	24,90%	-	-	0,00%
Ông Hoàng Xuân Quang	2.480.000	24.800.000.000	24,80%	-	-	0,00%
Bà Phạm Tường Vi	2.366.704	23.667.040.000	23,67%	-	-	0,00%
Pyn Elite Fund (Non - Ucits)	999.200	9.992.000.000	9,99%	-	-	0,00%
Các cổ đông khác	1.664.096	16.640.960.000	16,64%	2.663.296	26.632.960.000	26,63%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%	10.000.000	100.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.000.000.000	18.000.000.000

Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán thành phẩm	54.076.376.876	45.883.464.938
Doanh thu thi công công trình	119.252.055.907	95.520.339.701
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	2.174.451.826	1.840.205.649
Cộng	175.502.884.609	143.244.010.288

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	3.300.000	-
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	20.400.000
Cộng	3.300.000	20.400.000

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Hàng bán bị trả lại	8.851.500	1.496.600
Cộng	8.851.500	1.496.600

6.3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	39.943.336.861	33.405.854.621
Giá vốn của thi công công trình	105.679.017.814	82.654.106.005
Giá vốn dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	1.522.600.668	1.138.727.961
Cộng	147.144.955.343	117.198.688.587



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.551.811	11.822.953
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.719.400.000	6.719.400.000
Cộng	6.729.951.811	6.731.222.953

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền vay	610.398.548	765.419.181
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(889.361.424)
Cộng	610.398.548	(123.942.243)

6.6 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên	1.632.515.056	1.513.461.148
Chi phí vật liệu, bao bì	606.250.695	628.591.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.531.386.093	2.724.982.550
Các khoản chi phí bán hàng khác	389.908.344	458.048.058
Cộng	6.160.060.188	5.325.083.077

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.070.053.168	3.869.933.631
Chi phí khấu hao TSCĐ	461.468.049	482.475.972
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(70.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.552.081.118	1.648.486.824
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.110.884.477	1.148.971.710
Cộng	8.194.486.812	7.079.868.137



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.8 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	302.964.666	-
Các khoản khác	151.011	26.380
Cộng	303.115.677	26.380

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.416.927.570	20.484.291.829
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(6.719.400.000)	(8.700.096.742)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	4.122.075.818
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.719.400.000)	(6.719.400.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	(6.719.400.000)	(6.719.400.000)
Các khoản giảm khác	-	(6.102.772.560)
Thu nhập tính thuế TNDN	13.697.527.570	11.784.195.087
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	2.739.505.514	2.356.839.017
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	2.739.505.514	2.356.839.017
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	396.139.348
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.739.505.514	2.752.978.365

(*) Tiền nhận cổ tức được chia từ Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.055.145.113	105.158.791.313
Chi phí nhân công	16.786.830.712	16.447.175.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.184.238.171	2.883.986.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.845.595.747	31.175.906.414
Chi phí khác bằng tiền	3.374.135.473	1.976.409.334
Cộng	116.245.945.216	157.642.269.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	Công ty con
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	Công ty con

7.2.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Từ 01/01/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018</u>
	<u>đến 30/06/2019</u>	<u>đến 30/06/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền lương	987.635.445	660.980.000
Tiền thưởng	329.054.033	262.652.426

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Công ty CP Đá ốp lát An Bình		
Thu tiền cho thuê xe xúc gàu	22.440.000	46.596.000
Cung cấp dịch vụ	-	20.400.000
Mua nguyên vật liệu	11.424.375	300.376.340
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP		
Thu tiền biển báo	9.152.990	-
Mua đá	1.170.356.065	2.585.504.430
Thanh toán tiền mua đá	-	911.473.902
Thu tiền cổ tức	-	6.719.400.000
Thuê dịch vụ	-	54.545.454
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ di dời container	3.300.000	-
Thu tiền dịch vụ	3.630.000	-

7.2.4. Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

7.3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

7.3.1. Thông tin lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: Sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại;
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống, thi công xây dựng dân dụng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

7.3.2. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cứng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính



Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh cống thành phẩm VND	Lĩnh vực thi công công trình VND	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa VND	Tổng cộng VND
Kỳ này				
Tổng doanh thu	54.067.525.376	119.252.055.907	2.174.451.826	175.494.033.109
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	54.067.525.376	119.252.055.907	2.174.451.826	175.494.033.109
Chi phí trực tiếp	39.943.336.861	105.679.017.814	1.522.600.668	147.144.955.343
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	14.124.188.515	13.573.038.093	651.851.158	28.349.077.766
Tổng chi phí đã phát sinh để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	122.503.636		122.503.636
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	893.542.587	1.260.596.443		2.154.139.030

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm VND	Lĩnh vực thi công công trình VND	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa VND	Tổng cộng VND
Kỳ trước				
Tổng doanh thu	45.882.135.338	95.520.339.701	1.840.038.649	143.242.513.688
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	45.882.135.338	95.520.339.701	1.840.038.649	143.242.513.688
Chi phí trực tiếp	33.405.854.621	82.654.106.005	1.138.727.961	117.198.688.587
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12.476.280.717	12.866.233.696	701.310.688	26.043.825.101
Tổng chi phí đã phát sinh để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	24.000.000	72.750.000		96.750.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.421.892.924	1.407.397.154		2.829.290.078

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm VND	Lĩnh vực thi công công trình VND	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa VND	Tổng cộng VND
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	41.157.949.348	155.366.089.088	668.374.943	197.192.413.379
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				137.588.944.304
Tổng tài sản				334.781.357.683
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.642.707.512	53.751.940.099	407.767.857	69.802.415.468
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				74.533.284.987
Tổng nợ phải trả				144.335.700.455
Số đầu kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	36.157.800.773	176.634.838.120	346.541.239	213.139.180.132
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				105.277.598.546
Tổng tài sản				318.416.778.678
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	21.270.955.228	78.978.138.566	350.389.406	100.599.483.200
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				24.258.273.615
Tổng nợ phải trả				124.857.756.815

